

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2017/HSST

Ngày: 22/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Công Huân

Thẩm phán: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Quang Việt
2. Bà Nguyễn Thị Nờ
3. Bà Võ Thị Hoài Nam

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Tô Mạnh Hà – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 22/8/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 140/2017/HSST ngày 13/3/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Thanh L**; giới tính: Nữ; sinh ngày 14/02/1981 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: 185 Lô E, khu M, phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú trước khi bị bắt: 451/2A đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: (không); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); con ông A và bà B; hoàn cảnh gia đình: có một con sinh năm 1998;

Tiền án: Ngày 12/3/2003, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 7 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 7 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc phải hai tội phải chấp hình phạt chung là 14 năm tù (bản án số 311/HSST ngày 12/03/2003),

Tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 03/6/2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Đỗ Ngọc Oánh**, luật sư của Văn phòng luật sư Đỗ Ngọc Oánh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 20 giờ ngày 03/6/2015, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận P bắt quả tang Trần Thị Thanh L có hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại quán cà phê Nam Cát Tiên, địa chỉ số 769/370 đường Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; thu giữ của L 8 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 219,96g, loại Methamphetamine (MA). Sau đó, tiến hành khám xét nơi ở của L tại nhà số 451/2A đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan công thu giữ được 10 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 801,88g, loại Methamphetamine (theo Kết luận giám định số 1117/KLGD-H ngày 06/08/2015 và công văn giải thích từ ngữ trong kết luận giám định ma túy số 695/PC54-Đ6 ngày 06/12/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bl.64, 218).

Căn cứ vào lời khai của Trần Thị Thanh L, vào lúc 15 giờ 20 phút ngày 04/6/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận P bắt khẩn cấp Dương Thị Mỹ D về hành vi giúp sức cho L bán ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, L khai nhận:

L cùng D có quan hệ đồng tính, từ tháng 9/2014 cả hai sống chung tại phòng trọ số 451/2A đường N, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Để có tiền tiêu xài, L thường đến khu vực đường Nguyễn Duy, Quận P mua ma túy, mang về bán lại để kiếm lời. Khoảng tháng 5/2015, L gặp và quen biết một người tên Bì (không rõ lai lịch) tại một tiệm game trên đường Nguyễn Văn Cừ, Quận 1. Bì đặt vấn đề giao ma túy đá (MA) cho L bán, nếu L bán được 100g ma túy đá với giá 50.000.000đ thì Bì trả công cho L 2.000.000đ, L đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 01/6/2015, Bì cho người mang 1 gói ma túy đến giao cho L. L phân chia ma túy thành nhiều gói nhỏ có khối lượng khác nhau để bán lại cho người mua.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/6/2015, có một người tên Bé (không rõ lai lịch) điện thoại cho L hỏi mua 200g ma túy đá. L đồng ý bán với giá 100.000.000đ và hẹn địa điểm giao ma túy tại quán cà phê Nam Cát Tiên, địa chỉ số 769/370 đường Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. L về nhà trọ lấy 1 gói ma túy đá loại 100g; 2 gói loại 50g để bán cho Bé và lấy thêm 3 gói ma túy nhỏ. Đến 20 giờ cùng ngày, L đến quán cà phê giao ma túy cho Bé nhưng chưa kịp giao thì bị bắt quả tang như đã nêu ở phần trên.

Dương Thị Mỹ D khai rằng: D biết việc L mua bán ma túy và D có giúp L mang ma túy bán cho một người tên Hải 2 lần, mỗi lần 300.000đ. Ngoài ra, D không biết, không có liên quan đến số ma túy L đem đi bán bị bắt quả tang và thu giữ qua khám xét.

Ngày 30/08/2016, D đã chết tại Trại tạm giam Chí Hòa do bị bệnh AIDS giai đoạn cuối. Ngày 16/09/2016, Tòa án nhân dân Thành Hồ Chí Minh đã ra Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2016/-QĐ đối với Dương Thị Mỹ D.

Huỳnh Sơn Hải khai nhận là người nghiện ma túy, Hải đã 2 lần mua ma túy của L do D trực tiếp giao, mục đích để sử dụng cho bản thân. Công an Quận P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0048004 ngày 05/06/2011 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với các đối tượng Bi, Bé (các đối tượng mua bán ma túy với L) là những người chưa rõ lai lịch nên không có cơ sở xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 149/CTr-VKS-P1 ngày 06/3/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Thị Thanh L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định việc truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là chính xác, đúng pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội D bản cáo trạng,

Xử phạt Trần Thị Thanh L tù chung thân, phạt bổ sung từ 30.000.000đ đến 50.000.000đ.

Luật sư Đỗ Ngọc Oánh bào chữa cho bị cáo như sau: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội trong hoàn cảnh khi ra tù không tìm được việc làm, không được xã hội chấp nhận nên không có điều kiện để đảm bảo cuộc sống; bị cáo bị bệnh AIDS. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn.

Bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của luật sư Oánh, không có ý kiến bào chữa bổ sung.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư bào chữa và bị cáo,

XÉT THẤY:

Bị cáo Trần Thị Thanh L và Dương Thị Mỹ D là những người nghiện ma túy. Từ tháng 9/2014, cả hai thuê nhà trọ tại địa chỉ số 451/2A đường Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và chung sống với nhau tại đây. Để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài, L đã mua ma túy đá (Methamphetamine) của những người không rõ lai lịch, rồi phân chia thành các đơn vị nhỏ, bán lại cho người cần mua để kiếm lời. Trong số người mua ma túy của L có Huỳnh Sơn H; H đã mua ma túy của L 2 lần, mỗi lần mua 300.000đ.

Vào lúc 20 giờ ngày 03/6/2015, ở tại quán cà phê Nam Cát Tiên, địa chỉ số 769/370 đường Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận P bắt quả tang L đang có hành vi cất giữ ma túy để bán. Lực lượng công an thu giữ của L: 1 gói nylon có chữ Pillows để trên bàn nơi L đang ngồi, bên trong có 3 gói nylon nhỏ chứa tinh thể không màu; 1 gói nylon chứa tinh thể không màu, L cất trong áo ngực đang mặc và lấy ra tự giao nộp; 4 gói nylon chứa tinh thể không màu để trong vỏ gói thuốc lá Jet để trong cốp xe máy mang biển số 51K2-5400 do L sử dụng (xe đang dựng trong quán). L khai nhận tinh thể không màu chứa trong các túi nylon đã nêu là ma túy đá. Ngoài số ma túy đã nêu, lực lượng công an còn thu giữ của L 9.000.000đ, xe máy mang biển số 51K2-5400, 1 điện thoại di động hiệu Samsung, 1 điện thoại di động hiệu Mobistar. Trong lúc bắt L thì người mua đến mua ma túy của L đã tẩu thoát.

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 03/6/2015, Công an Quận P tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của L tại nhà số 451/2A đường Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ được tại đây:

- 10 gói nylon bên trong chứa tinh thể rắn không màu;
- 2 cái kéo;
- 2 kéo kẹp;
- 2 đoạn ống nhựa vuốt đầu nhọn;
- 1 cân điện tử;
- 1 điện thoại di động hiệu Nokia có gắn sim 0122.564.1662;
- 1 điện thoại Lenovo, có gắn sim 0120.689.1621;
- 1 điện thoại hiệu Connspeed có gắn sim 01213.366.031;
- 390 bịch nylon các loại;
- 1 túi nylon có chữ Pillows;
- Xe máy mang biển số 59T1-61159.

Theo Kết luận giám định số 1117/KLGD-H ngày 06/08/2015 và văn bản 695/PC54-Đ6 ngày 06/12/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định được như sau: Tinh thể không màu chứa trong 8 gói nylon thu giữ của L khi bắt quả tang có khối lượng 219,96g, là ma túy ở thể rắn,

loại Methamphetamine; tinh thể không màu chứa trong 10 gói nylon thu giữ tại nơi ở của L có khối lượng 801,88g, là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (bl. 64, 218).

Trong quá trình điều tra, xác định được: Chiếc xe Honda mang biển số 51T1-611.59 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thảo Linh (sinh năm 1984, cư trú tại 21 đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh); bà Linh là bạn của Dương Thị Mỹ D; vào ngày 01/06/2005, D có mượn chiếc xe đã nêu của bà Linh để đi công việc riêng. Không có căn cứ để xác định bà Linh có liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã giao trả xe cho bà Linh.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống ma túy năm 2000 và Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ thì Methamphetamine là chất ma túy thuộc danh mục “Các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”.

Ma túy là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy không chỉ thiệt hại về tài sản của gia đình và xã hội mà còn huỷ hoại sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng. Người thường xuyên sử dụng ma túy sẽ bị thoái hóa nhân cách, rối loạn hành vi, dễ vi phạm pháp luật. Đây là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Chính vì vậy, Nhà nước ta nghiêm cấm việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái chất ma túy. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do lối sống đua đòi, buông thả, mong muốn có nhiều tiền mà không phải tốn công sức lao động nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội, bất chấp mọi hậu quả có thể gây ra. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý, kiểm soát các chất ma túy.

Bị cáo đã có hành vi mua bán 1.021,84g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, đây là khối lượng ma túy đặc biệt lớn.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của D (người giúp sức cho bị cáo bán ma túy cho H), lời khai của H, có cơ sở để xác định bị cáo có hành vi mua bán ma túy nhiều lần. Bị cáo là người đã có án tích về tội rất nghiêm trọng, ngày 12/3/2003, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 7 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 7 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 và khoản 2 Điều 197 Bộ luật hình sự, thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2001. Trong khi các án tích vừa nêu chưa được xóa thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên lần phạm tội này được xác định thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, bị cáo còn phạm tội nhiều lần.

Do vậy, cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, cần áp dụng hình phạt tù không thời hạn, cách ly bị cáo vĩnh viễn khỏi đời sống xã hội mới đủ tác dụng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa, bị cáo cho biết bản thân đang bị mắc bệnh AIDS, luật sư Oánh cũng viện dẫn lý do này để đề nghị xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào để xác định bị cáo bị bệnh AIDS nên không có căn cứ để xem xét.

Về vật chứng:

Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xem xét xử lý, cụ thể:

-Đối với điện thoại di động hiệu Samsung, điện thoại di động hiệu Mobistar, điện thoại di động hiệu Connspeed, điện thoại di động Nokia, điện thoại di động hiệu Lenovo, cân điện tử: Là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

-Đối với 9.000.000đ thu giữ của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai rằng số tiền này của một người bạn của bị cáo gửi cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo không khai trình được họ tên, địa chỉ người gửi tiền nên không có căn cứ để thẩm tra, không có căn cứ để chấp nhận lời khai này của bị cáo. Do vậy, cần xác định đây là tiền sử dụng vào việc phạm tội và tịch thu sung quỹ Nhà nước.

-Đối với xe mô tô Yamaha mang biển số 51K2-5400 thu giữ của bị cáo: Người đứng tên chủ sở hữu xe là bà Phùng Kiệt Mỹ. Trong quá trình điều tra, bà Mỹ khai rằng đã bán xe cho một người nhưng không nhớ tên, địa chỉ và không làm thủ tục sang tên. Bị cáo khai rằng đã mua xe của một đối tượng tên Thạch (không rõ lai lịch) để sử dụng. Xét thấy, chiếc xe đã được bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội; mặt khác, bà Mỹ xác nhận đã bán lại cho người khác và không có yêu cầu gì. Do vậy, cần tịch thu chiếc xe để sung quỹ Nhà nước.

-Đối với ma túy còn lại sau giám định và các vật chứng còn lại: Là những vật cấm lưu hành, vật không còn sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Trần Thị Thanh L** Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2015.

2. Về vật chứng

Áp dụng điểm a, b và đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

-1 điện thoại di động hiệu Samsung: 355428051878001;

-1 điện thoại di động hiệu Mobistar: 352218020179844

-1 điện thoại di động hiệu Connspeed: 840000045431842;

-1 điện thoại di động Nokia: 358352057569967;

-1 điện thoại di động hiệu Lenovo: 864692022260227;

(các điện thoại đã nêu đều đã qua sử dụng, trong rõ tình trạng)

-1 cân điện tử;

-9.000.000đ (chín triệu đồng);

-Xe máy Yamaha mang biển số 51K2-5400; số khung: RLCN2B520-5Y012210; số máy: 2B52-12210 (xe cũ, gỉ sét, không có gương, máy móc không kiểm tra).

Tịch thu tiêu hủy:

-2 gói niêm phong số 1117(1, 2) có chữ ký niêm phong của giám định viên Phạm Văn Trọng và điều tra viên Hồ Văn Cửa;

-2 cái kéo;

-2 kéo kẹp;

-2 đoạn ống nhựa vuốt đầu nhọn;

-Một số bịch nylon các loại;

(Các vật chứng đã nêu hiện được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận tang vật số ngày 33/16 ngày 10/11/2015 giữa PC47 Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng số tiền 9.000.000đ đang được gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước Quận 10 theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 17/9/2015).

3. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53-CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (19) (4)